

Số: 1276 /GPMT-UBND

Khánh Hòa, ngày 14/5/2024 tháng 5 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3323/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Ban quản lý dự án phát triển tỉnh Khánh Hòa tại Văn bản số 878/BQL-QLDA3 ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án thành phố Nha Trang (CCSEP) (Hạng mục Hệ thống thu gom, xử lý, thoát nước thải) tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 178./TTr-STNMT-CCBVM ngày 13/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Ban quản lý dự án phát triển tỉnh Khánh Hòa, địa chỉ tại số 37 đường Tô Vĩnh Diện, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Nha Trang” (Hạng mục công trình: Hệ thống thu gom, xử lý, thoát nước thải) tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư/cơ sở: “Môi trường bền vững các thành phố duyên hải – Tiêu dự án thành phố Nha Trang” (Hạng mục công trình: Hệ thống thu gom, xử lý, thoát nước thải).

1.2. Địa điểm hoạt động: thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư/giấy tờ tương đương: Quyết định số 2693/QĐ-UBND ngày 28/09/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc sáp nhập Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Khánh Hòa vào Ban Quản lý dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa và kiện toàn tổ chức.

1.4. Mã số thuế: 4200681787.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: thoát nước và xử lý nước thải.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

- Quy mô dự án có tiêu chí tương đương với dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Phạm vi dự án: các hạng mục công trình chính bao gồm:

+ Trạm bơm nước thải: PS1, PS3, PS4, PS5, PS6

+ Giếng tách: CSO1; CSO2; CSO5; CSO6.

+ Tuyến cống thu gom nước thải.

+ Nhà máy xử lý nước thải: công suất thiết kế 15.000 m³/ngày đêm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban quản lý dự án phát triển tỉnh Khánh Hòa được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban quản lý dự án phát triển tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm

không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Chậm nhất 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ dự án có trách nhiệm công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở UBND các phường Vĩnh Hòa, Vĩnh Hải, Vĩnh Phước, Vĩnh Thọ và UBND xã Vĩnh Ngọc.

2.5. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Nha Trang nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Chỉ được phép đưa dự án đi vào hoạt động sau khi hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan đến dự án theo quy định.

2.7. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /.

Nơi nhận (VBĐT):

- Ban quản lý dự án phát triển tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND TP Nha Trang;
- UBND các phường Vĩnh Hòa, Vĩnh Hải, Vĩnh Phước, Vĩnh Thọ và UBND xã Vĩnh Ngọc;
- Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh;
- Lưu: VP + TLe, Huân.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hòa Nam

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số. 12.16./GPMT-UBND ngày 14. tháng 5 năm 2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên của nhà máy xử lý nước thải.
- Nguồn số 02: Lượng nước rửa, vệ sinh máy móc và từ phòng thí nghiệm của nhà máy xử lý.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh của các tổ chức, cá nhân từ khu vực phía Bắc thành phố Nha Trang gồm 04 phường: Vĩnh Hòa, Vĩnh Hải, Vĩnh Phước, Vĩnh Thọ và một xã ngoại thành là Vĩnh Ngọc đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý được xả ra mương nước cạnh khu vực dự án và sau đó thoát ra sông Cái.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại mương nước nằm ở phía Tây Bắc của Dự án và sau đó thoát ra sông Cái tại thôn Hòn Nghê, xã Vĩnh Ngọc, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°):

X (m)	Y (m)
1357946	599924

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $15.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ/ngày đêm).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, $K=1,0$) và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, $K_q=0,9$, $K_f=0,9$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 – 9	03 tháng/lần	Quan trắc tự động đối với các thông số: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), pH, COD, TSS, Amoni, Nhiệt độ.
2	BOD ₅	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	3.000		
12	Nhiệt độ	°C	40		
13	COD	mg/l	60,75		
Ghi chú: Áp dụng Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT đối với các chất ô nhiễm có số thứ tự từ 1 đến 11; áp dụng Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT đối với các chất ô nhiễm có số thứ tự từ 12 - 13.					

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải phát sinh từ nguồn số 01 sau khi qua bể tự hoại cùng với nước thải từ nguồn số 02 sẽ được đưa về hố ga thu gom nước thải của dự án sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 15.000 m³/ngày đêm để xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải phát sinh từ nguồn số 03: được thu gom qua tuyến ống áp lực DN710 HDPE từ trạm bơm chính dẫn tới ngăn tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 15.000 m³/ngày đêm để xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt Quy trình công nghệ xử lý nước thải:

Quy trình công nghệ: Nước thải (nguồn số 01 sau khi xử lý qua bể tự hoại, nguồn số 2 đưa về hố ga thu gom nước thải và nguồn số 03) → Ngăn tiếp nhận và hồ đo lưu lượng → Song chắn rác thô → Song chắn rác tinh → Bể tách dầu mỡ và lắng cát có thổi khí → Ngăn phối phối → Bể thiếu khí → Mương oxy hóa → Ngăn đầu ra → Bể lắng cuối → Hệ thống khử trùng bằng tia UV → Hồ đặt đồng hồ đo lưu lượng đầu ra → Bể nước ra → Mương xả ra ngoài → Nguồn tiếp nhận.

Bùn → Bể tiếp nhận bùn bể phốt và trạm bơm bùn tuần hoàn và bùn dư → Bể nén bùn trọng lực → Bể chứa bùn → Máy ép bùn → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 15.000 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Polymer cation (1,5 kg/h tương ứng khoảng 5.475kg/năm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Vị trí lắp đặt: Tại bể đo lưu lượng xả.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, amonia (NH₄⁺).

- Thiết bị lấy mẫu tự động: có.

- Camera theo dõi: phải lắp đặt camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Thời hạn hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) và kết nối, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024 (theo quy định tại khoản 4 Điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí cán bộ kỹ thuật chuyên trách về môi trường theo dõi quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải trong suốt quá trình hoạt động của hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn, bàn giao. Cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, ứng phó sự cố.

- Trong hệ thống xử lý nước thải, các hạng mục quan trọng như nhà đặt song chắn rác, bể tách dầu mỡ và lắng cát có thổi khí, bể xử lý sinh học, bể lắng sinh học, buồng UV đều được thiết kế với 02 modul chạy song song. Điều này hạn chế việc xảy ra sự cố, khi một đơn nguyên gặp sự cố vẫn còn một đơn nguyên hoạt động giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải.

- Tận dụng đường ống thoát nước thải chính để lưu giữ nước thải khi nhà máy gặp sự cố. Với hệ thống thoát nước là hệ thống thoát nước chung nên kích thước cống lớn, hoàn toàn có thể chứa được 45.000 m³ nước thải.

- Quy trình ứng phó sự cố:

+ Trường hợp xảy ra sự cố, dự án có module của hệ thống xử lý nước thải hoạt động và có thể đáp ứng khả năng xử lý, nước thải được phân phối về module không bị sự cố để xử lý: Khi trạm xử lý gặp sự cố, nước thải có thể lưu trữ tối đa 24 tiếng trong khu vực trạm xử lý tại các đơn nguyên trong trạm. Khi đó, trong vòng 15 tiếng trước khi xảy ra sự cố, đơn vị vận hành quản lý cần nhanh chóng thông báo cho Sở Tài nguyên môi trường và chính quyền địa phương gồm Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Ngọc để có biện pháp cảnh báo cho người dân khu vực quanh trạm xử lý nước thải, và dân cư dọc theo hạ lưu 2 bờ sông Cái.

+ Trường hợp hệ thống xử lý nước thải không đáp ứng khả năng xử lý (cả 2 module xảy ra sự cố, hoặc module của hệ thống xử lý nước thải hoạt động nhưng không đáp ứng khả năng xử lý): Trạm bơm chính phía Bắc sẽ không bơm nước thải về Nhà máy xử lý, lúc này sẽ tận dụng hệ thống thoát nước chính là công trình chứa nước thải khi gặp sự cố.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Đối với các hộ thoát nước là các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, nhà hàng, khách sạn chất lượng nước thải sau xử lý phải đảm bảo tiêu chuẩn đầu nối đầu vào của dự án theo bảng sau:

STT	Thông số	Nồng độ (mg/L)
1	COD	270
2	BOD ₅	150
3	TSS	160
4	N tổng	30
5	Amoni (NH ₄ ⁺)	23
6	P tổng	7

- Đối với các hệ thoát nước là các cơ sở sản xuất công nghiệp, thủy sản, y tế... chất lượng nước thải sau xử lý phải đảm bảo quy chuẩn chuyên ngành và tiêu chuẩn đầu nối đầu vào của dự án như bảng trên.

- Đối với các hệ thoát nước là hộ dân nước thải xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sau đó đầu nối vào hệ thống cống chung phía Bắc thành phố Nha Trang.

- Đối với các hộ kinh doanh ăn uống, các cơ quan đơn vị có khẩu phần ăn hoạt động trong giờ cao điểm từ 10 người trở lên phải có bể tách dầu mỡ đúng quy cách trước khi đầu nối nước thải vào hệ thống cống chung.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian, vận hành thử nghiệm: 06 tháng (bắt đầu từ tháng 06/2024 và kết thúc vào tháng 11/2024).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải tại ngăn tiếp nhận nước thải.
- Nước thải đầu ra sau bể khử trùng, trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 của Mục A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý nước thải 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm với tần suất 15 ngày/01 lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải).

- Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh với tần suất 01 ngày/01 lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và 07 mẫu đơn nước thải đầu ra của công trình xử lý nước thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Chủ dự án lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải gửi cơ quan cấp giấy phép môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.6. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.7. Phải hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) nêu tại Mục 1.3 Phần B Phụ lục này và kết nối, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Tài nguyên và Môi trường chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.8. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1276/GPMT-UBND ngày 14 tháng 5
năm 2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

Chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải (16 01 06), Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (17 02 03), Giẻ lau dính dầu nhớt thải (18 02 01), Bao bì cứng thải bằng nhựa (có thành phần nguy hại) (18 01 03). Khối lượng phát sinh khoảng 700 kg/năm.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Chủ yếu là cặn, rác thải như bao bì nhựa (18 01 06), bìa carton (18 01 05), Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải đô thị (12 06 10):

- Rác từ máy tách rác: 7,3 tấn/ năm.
- Bùn tự hoại từ nội bộ nhà máy: 7,8 tấn/năm.
- Bùn dư từ bể lắng cuối: 400 tấn/năm.
- Bùn làm đặc sơ bộ bằng trọng lực: 635 tấn/ năm.
- Bùn làm đặc bằng cơ học: 616 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 3 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng chứa bằng nhựa cứng loại 45 lít, có nắp đậy kín.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 60 m² (kích thước 12 x 5 x 6,3 m).
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: Mặt sàn kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa, đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; được trang bị các thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- Chất thải nguy hại sau khi lưu giữ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định; khai báo khối lượng và tình hình quản lý chất thải nguy hại trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa cứng, bảo đảm lưu giữ an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ; chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng.

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

Đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước:

- Nhà tách nước và cô đặc bùn: Nhà 2 tầng kích thước từ trực tới trực 18,0 x 10,10 m chiều cao nhà 9,4 m.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho có tường bao quanh, sàn bê tông chống thấm.

- Đối với bùn thải từ máy tách rác: sẽ được thu gom trực tiếp vào thùng rác 660 lít (04 thùng) được đặt tại khu vực nhà tách rác. Cuối ngày sẽ được thu gom và đưa về khu vực tập trung xử lý theo quy định.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt; mặt sàn bằng xi măng, không rạn nứt, không bị thấm thấu và có gờ chắn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ và đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng theo quy định của pháp luật.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Đối với hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên: bố trí thùng bằng nhựa cứng có nắp đậy kín (các thùng chứa được lót bên trong bằng túi nylon để tiện thu gom gồm 07 thùng 15 lít) và được bố trí tại các nơi phát sinh như: văn phòng, nhà vệ sinh... Vào cuối mỗi ngày làm việc, công nhân sẽ mang các túi nylon chứa rác sinh hoạt đặt vào các thùng chứa chất thải dành cho chất thải rắn sinh hoạt.

Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào các thùng rác chuyên dụng 120 lít (05 thùng) sau đó tập trung vào khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt diện tích 12 m² nằm gần cổng nhà máy, sau đó sẽ được phân loại và vận chuyển đi trong ngày.

Chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào cuối mỗi ngày làm việc và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố

môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

